

Số: **113/2019/QĐST-DS**

Mỏ Cày Nam, ngày 28 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 286/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Thu T**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phan Văn D, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp T, xã Tây, huyện M1, tỉnh Bến Tre; Theo văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019.

* Bị đơn: Ông **Đỗ Hữu H**, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị A**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Đỗ Hữu H và bà Lê Thị A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị Thu T số tiền 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu) đồng. Thời điểm trả tiền là khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2.2. Án phí dân sự:

Ông Đỗ Hữu H và bà Lê Thị A có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 9.250.000 (chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, tuy nhiên bà Lê Thị A có thân nhân liệt sĩ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bà Lê Thị A được miễn nộp án phí với số tiền là 4.625.000 (bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng. Như vậy, ông Đỗ Hữu H và bà Lê Thị A có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền còn lại là 4.625.000 (bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Trương Thị Thu T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.326.000 (chín triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí 0006304 ngày 01/8/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (3b) ;
- VKSND huyện MCN(1b);
- Chi cục THADS huyện MCN(1b);
- TAND tỉnh Bến Tre(1b);
- Lưu HS, VP (4b).

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như

